TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 18 - 9 - 2023.
V/v: " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1994. Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Minh Đ ngày 16 tháng 5 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ

ngày 20 tháng 8 năm 2020. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tuệ A1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2022, hiện đang ở với chị A. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 8 năm 2023, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Đ) trình bày:

Anh Nguyễn Minh Đ và chị Trần Thị Ngọc A kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình bà khoảng 03 năm, sau đó chị A bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân.

Bà Hòa đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà có thông báo cho anh Đ biết nội dung các văn bản trên nhưng anh Đ đang đi làm ăn xa, không về được, anh có quan điểm: anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Tuệ A1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2022, hiện đang ở với chị A. Khi ly hôn anh Đ đồng ý để chị A nuôi dưỡng con Nguyễn Tuệ A1. Anh Đ không có khả năng cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc A anh Nguyễn Minh Đ đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc A.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuệ A1 của chị A. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh

Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị A phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2, không có lý do là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn ngày 16 tháng 5 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh Đ trốn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc chị A xin ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị A, anh Đ đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tuệ A1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2022, hiện nay đang ở với chị A. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Cháu Nguyễn Tuệ A1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2022, dưới 36 tháng tuổi, đang ở với chị A. Anh Đ có quan điểm đồng ý để chị A nuôi dưỡng. Chị A có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, HĐXX thấy cần giao cho chị A nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuệ A1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị A về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Ngọc A phải nộp theo quy định của

pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Ngọc A có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuệ A1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2022. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002325 ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị A phải nộp. Chị A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc A, anh Nguyễn Minh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- UBND xã N huyện L, tỉnh Hà Nam;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng